

Bản án số: 04/2017/HSST
Ngày 06/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Trung Phước**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Văn Sân**; Ông **Vàng Văn Chài**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hồ Thị Tuyết** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Đ tham gia phiên tòa:

Ông: **Lê Văn Khánh** - Kiểm sát viên

Ngày 26/10/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T Đ, tỉnh Lai Châu, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, thụ lý số 01/2017/TLST-HS ngày 12/10/2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/HSST-QĐ ngày 16/10/2017, Thông báo về việc tiếp tục đưa vụ án hình sự sơ thẩm ra xét xử số 02/2017/HSST-TB ngày 27/10/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN VĂN H** - Sinh năm 1988.

Nơi đăng ký KHKTT và chỗ ở: Đội 4, xã H T, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Tiền án: Ngày 24/3/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã L C (nay là thành phố LC) tỉnh Lai Châu tuyên phạt 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đã được xóa án tích; Tiền sự: Không; Con ông Nguyễn Văn N (Đã chết) và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1962; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em ruột bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Bị cáo có vợ là Lò Thị C, sinh năm 1993 và 02 người con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2017 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện T Đ, tỉnh Lai Châu cho đến nay (có mặt).

2. Họ và tên: **LÒ VĂN N** – Sinh năm 1987.

Nơi ĐKKHKT: Thôn C, xã P N, huyện V C, tỉnh Yên Bái.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Lò Văn L (đã chết) và bà Hà Thị E, sinh năm 1959; Gia đình bị cáo có 04 anh chị em ruột bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Bị cáo có vợ là Hà Thị M, sinh năm 1992 và 01 người con sinh năm 2014.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/8/2017 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện T Đ, tỉnh Lai Châu cho đến nay (có mặt).

Người bị hại: Cháu Lò Thị N, sinh ngày 12/11/2002.

Người đại diện hợp pháp cho cháu N là chị Lò Thị M, sinh năm 1983.

Cùng trú tại: Bản N, xã B L, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu (cùng có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1962.

Trú tại: Bản S, phường Q T, thành phố L C, tỉnh Lai Châu (có mặt).

2. Chị Lò Thị C, sinh năm 1993.

Trú tại: Đội 4, xã H T, huyện T Đ, tỉnh Lai Châu.(có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 16.8.2017, Nguyễn Văn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA (Exciter), màu đỏ, đen biển kiểm sát 25B1-322.76 chở phía sau Lò Văn N đi từ thành phố L C xuống thị trấn T Đ, huyện T Đ chơi. Đến khoảng 14 giờ 30 phút, do lên cơn nghiện chất ma túy Hg, N ra khu vực gầm cầu treo nối liền giữa bản M, thị trấn T Đ với bản N, xã B L huyện T Đ sử dụng trái phép chất ma túy (*số ma túy cả hai sử dụng Hùng mua của một người không quen biết ở khu vực chợ S, thành phố L C*). Sử dụng xong đi lên đường H nhìn thấy Lò Thị N, sinh năm 2002, trú tại bản N, xã B L, huyện T Đ đang đạp xe đạp, tay trái cầm ô đi qua chỗ H và N đang đứng, lúc này H phát hiện ở túi quần hậu của Lò Thị N để 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu SONY XPERIA màu trắng, đen quan sát xung quanh thấy vắng người qua lại H nảy sinh ý định cướp giật nên bàn bạc cùng Lò Văn N và N cũng đồng ý cùng thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Do sợ bị phát hiện H bảo N cởi áo sơ mi màu trắng đang mặc trên người đưa H, H cầm áo N đưa quần xung quanh biển kiểm soát của xe mô tô của mình, sau đó H điều khiển xe còn Lò Văn N ngồi sau đội mũ bảo hiểm có cầm đuổi theo khoảng 100 m đến khu vực bản M, thị trấn T Đ thì đuổi kịp Lò Thị N, H giảm tốc độ và đi song song, sát với xe đạp của cháu Lò Thị N để Lò Văn N ngồi sau xe dùng tay phải giật chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SONY XPERIA màu trắng, đen kèm theo sim và thẻ nhớ ở túi quần hậu của cháu N rồi Hùng tăng tốc độ xe mô tô nhanh chóng chạy lên đường quốc lộ 4D cũ rồi rẽ ra đường 36 m đi lên thành phố L C, trên đường đi Lò Văn N cất giấu chiếc điện thoại vừa cướp giật được vào túi xách giả da, màu nâu H đang đeo trên người.

Đến thành phố L C cả hai vào nhà mẹ đẻ của H là bà Hoàng Thị T ở bản S, phường Q T, thành phố L C nhưng bà T không ở nhà. Tại đây H lấy chiếc điện thoại vừa cướp được ra tháo sim, thẻ nhớ để ở bàn uống nước và bảo N đưa sim, thẻ nhớ của N đưa H lắp vào điện thoại vừa cướp giật mà có lắp xong H đưa Lò Văn N để sử dụng. Đến ngày 17.8.2017, Nguyễn Văn H và Lò Văn N bị CQĐT triệu tập làm rõ và ra lệnh bắt khẩn cấp về hành vi cướp giật tài sản và thu giữ vật chứng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 21.8.2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện T Đ kết luận: 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu SONY XPERIA, 01 Micro sim số 01646720085, 01 thẻ nhớ SD dung lượng 2GB do Nguyễn Văn H và Lò Văn N cướp giật có tổng trị giá là 380.000 đồng.

Cáo trạng số 22/KSĐT – SH ngày 10/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T Đ truy tố Nguyễn Văn H, Lò Văn N phạm vào tội Cướp giật tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo H, N thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại về không gian, thời gian, địa điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T Đ trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo phạm tội Nguyễn Văn H, Lò Văn N phạm vào tội Cướp giật tài sản. Về hình phạt đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Lò Văn N, áp dụng thêm Điều 70/ Bộ luật hình sự 2015, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khoản 3 Điều 7/Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Nguyễn Văn H. Đề nghị tuyên phạt Nguyễn Văn H mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù, tuyên phạt Lò Văn N mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Về vật chứng đề nghị trả lại cho chị Lò Thị C chiếc xe mô tô BKS 25 B1 – 322.76 mang tên Nguyễn Văn H, trả lại cho Nguyễn Văn H 01 mũ bảo hiểm, trả lại Lò Văn N 01 sim Vinaphone và 01 thẻ nhớ 02 GB, tịch thu tiêu hủy 01 áo sơ my màu trắng của Lò Văn N và 01 túi xách giả da màu nâu của Nguyễn Văn H.

Quá trình điều tra và trong đơn xin vắng mặt người bị hại Lò Thị N và người đại diện hợp pháp Lò Thị M trình bày: Tài sản bị cướp là 01 điện thoại đã được trả lại nên không đề nghị gì thêm, đối với 01 sim điện thoại và 01 thẻ nhớ kèm theo điện thoại đã bị mất không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Về hình phạt đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình điều tra người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị T trình bày: Chiếc xe mô tô YAMAHA bị cáo H mua trả góp, trước khi hết hạn trả nợ mua xe, bà đã phải bán đi một mảnh đất của gia đình để lấy tiền cho H trả tiền mua xe. Tại phiên tòa bà T khai trước khi đi mua xe, bị cáo H và vợ là chị Lò Thị C đã xin bà số tiền 11.000.000 đồng để trả tiền mua xe và bà đã đồng ý cho chung vợ chồng H số tiền này, khi hết hạn trả tiền nợ mua xe bà đã bán 01 mảnh đất cho chú ruột bị cáo H để lấy số tiền 50.000.000 đồng và cho vợ chồng H trả nợ. Chiếc xe tuy mang tên chủ sở hữu là Nguyễn Văn H, tuy nhiên đó là tài sản hợp pháp của gia đình bà, nay bà đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe nói trên.

Chị Lò Thị C trình bày: Chiếc xe mô tô là tài sản chung của chị và Nguyễn Văn H, khi H có ý định mua xe trả góp đã bàn bạc với chị và thống nhất xin bà Hoàng Thị T là mẹ đẻ bị cáo Hùng số tiền 11.000.000 đồng để trả trước, khi gần hết thời hạn trả nợ mua xe, chị và bị cáo H có xin bà T bán đất để lấy số tiền 50.000.000 đồng để trả nợ. Trước đó do là xe mua trả góp nên ngoài số tiền 11.000.000 đồng trả trước cho đại lý bán xe, theo quy định mỗi tháng phải trả cho đại lý hơn 3.000.000 đồng/tháng, chị đã trả được 01 lần. Khi bị cáo H mang xe đi chơi và đã thực hiện hành vi phạm tội chị không biết, chiếc xe là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình nên đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe cho chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội và cấu thành tội phạm: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 16/8/2017 tại khu vực bán M, thị trấn T Đ, huyện T Đ, bị cáo Nguyễn Văn H

điều khiển xe mô tô BKS 25B1-322.76 để Lò Văn N dùng tay phải thực hiện hành vi cướp giật chiếc điện thoại di động trị giá 380.000 đồng của cháu Lò Thị N. Hành vi các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp giật tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự.

[2]. Về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp, ngoài ra có thể gây nguy hiểm cho tính mạng, sức khỏe của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị trên địa bàn. Các bị cáo là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cướp giật tài sản là bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Tài sản của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ, vì vậy mọi hành vi chiếm đoạt bất hợp pháp tài sản của người khác cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật, nhằm góp phần giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn.

[3]. Về mục đích phạm tội của các bị cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Lò Văn N cướp giật tài sản là để sử dụng.

[4]. Về nhân thân, vai trò của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như: Nguyễn Văn H, Lò Văn N đều được sinh ra trong những gia đình lao động, các bị cáo có tuổi đời còn trẻ, song không chịu khó tu dưỡng rèn luyện mà lại ăn chơi, đua đòi và bị nghiện chất ma túy, các bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, bị cáo Nguyễn Văn H đã có 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo đã không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục hành vi phạm tội, điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật và chứng tỏ bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy cần có một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cá bị cáo có điều kiện cải tạo, cai nghiện trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, người bị hại và người đại diện hợp pháp xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn H đã có 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại Điều 70/Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 quy định về thời gian xóa án tích ngắn hơn quy định tại Điều 63/Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung 2009 thì bị cáo đã được xóa án tích, bị cáo N chưa có tiền án tiền sự nên cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau bàn bạc và cùng thực hiện hành vi phạm tội nên trách nhiệm hình sự các bị cáo phải chịu là tương đương nhau, tuy nhiên bị cáo H có nhân thân xấu nên phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo N.

[5]. Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô YAMAHA (Exciter) biển kiểm sát 25B1-322.76 thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn H là công cụ phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, theo quy định của pháp luật là phải tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bà Hoàng Thị T khai

nguồn gốc chiếc xe nói trên là do tiền của bà bán đất để trả tiền mua xe cho bị cáo Nguyễn Văn H và đề nghị trả chiếc xe nói trên lại cho bà nhưng bà T đã không chứng minh được việc bà đã bỏ tiền để mua chiếc xe nói trên. Tuy nhiên tại phiên tòa làm rõ được chiếc xe nói trên là tài sản chung của bị cáo H và chị Lò Thị C, bên cạnh đó bản thân bị cáo sẽ phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình, việc tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước sẽ xâm phạm nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của chị C nên cần trả lại chiếc xe cho chị C.

Đối với 01 điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu SONI XPEARIA là tài sản hợp pháp của cháu Lò Thị N, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trao trả cho chủ sở hữu hợp pháp là có căn cứ. Đối với 01 sim Viettel, 01 thẻ nhớ kèm theo điện thoại của cháu Lò Thị N theo lời khai của các bị cáo khi cướp giật được điện thoại của cháu Nga, bị cáo Nguyễn Văn Hùng đã tháo thẻ sim và thẻ nhớ vứt tại nhà bà Hoàng Thị T cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy, tại phiên tòa cháu N và người đại diện hợp pháp không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên HĐXX không xem xét; 01 sim Vinaphone, 01 thẻ nhớ 02 GB là tài sản hợp pháp của bị cáo Lò Văn N, 01 mũ bảo hiểm đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bị cáo H không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo; 01 áo sơ mi màu trắng của Lò Văn N; 01 túi giả da màu nâu của Nguyễn Văn H là những công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội xét thấy không còn giá trị sử dụng cần tịch thu để tiêu hủy.

[6]. Về trình tự thủ tục tố tụng và hành vi của những người tiến hành tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, từ khi vụ án được khởi tố đến thời điểm vụ án được đưa ra xét xử đã được điều tra, truy tố và xét xử theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản hướng dẫn thi hành. Điều tra viên, Kiểm sát viên và những người tiến hành tố tụng khác đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đối với vụ án theo quy định tại các Điều 12, Điều 23, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 và của Bộ luật tố tụng hình sự.

[7]. Một số vấn đề liên quan trong vụ án:

Theo lời khai của Nguyễn Văn H thì H đã mua trái phép chất ma túy của một người nam giới không quen biết, do nhân thân lai của người này không rõ ràng nên cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra làm rõ.

Về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Văn H và Lò Văn N, cơ quan điều tra đã xử lý hành chính bằng hình thức cảnh cáo là phù hợp.

Bà Hoàng Thị T là mẹ đẻ bị cáo H có nhà là nơi các bị cáo H, N đến ở và cất giấu tài sản do phạm tội mà có, nhưng bà T không biết về hành vi phạm tội của các bị cáo nên không đề cập xử lý.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH 13 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm d khoản 2, khoản 5 Điều 136, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 của Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Khoản 3 Điều 7, Điều 70 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017; Điều 76, Điều 99,

Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Lò Văn N phạm tội “*Cướp giết tài sản*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2017. Xử phạt bị cáo Lò Văn N 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/8/2017. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho cả hai bị cáo.

3. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo Lò Văn N 01 sim Vinaphone, 01 thẻ nhớ 02 GB, trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 mũ bảo hiểm đã qua sử dụng. Tịch thu 01 túi đeo giả da màu nâu của Nguyễn Văn H, 01 áo sơ mi màu trắng của Lò Văn N để tiêu hủy. Trả lại cho chị Lò Thị C 01 xe mô tô YAMAHA (Exciter), màu đỏ, đen biển kiểm sát 25B1-322.76 đã qua sử dụng mang tên Nguyễn Văn H. Các vật chứng nêu trên đang được lưu giữ, bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T Đ. Tình trạng, đặc điểm vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng tài sản ngày 13/10/2017 giữa Công an huyện T Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện T Đ.

4. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Lò Văn N mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn mười lăm ngày lên Tòa án cấp trên kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người đại diện hợp pháp cho người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày lên Tòa án cấp trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh.
- VKS T Đ
- Thi hành án DS.
- Nhà TG.
- Người TGTT.
- Bị cáo.
- Sở tư pháp LC
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đoàn Trung Phước